

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/DS-ST
Ngày 09-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-DS ngày 20-5-2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-DS ngày 25-8-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V; trụ sở: Số XXX, T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Hữu M, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch S - Ngân hàng V; địa chỉ: Số YYY, N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15-10-2021); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1972, bà Đỗ Thị H, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Quốc C, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 31-3-2021, quá trình giải quyết vụ án, V (do ông Đỗ Hữu M đại diện) trình bày:

V cho ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H vay theo hợp đồng tín dụng sau đây:

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 843/18/HDTD-ST ngày 26-11-2018 với số tiền cho vay là 780.000.000 đồng, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-01/2020/HĐSD ngày 28-02-2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-02/2020/HĐSD ngày 06-8-2020; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thủy hải sản; thời hạn vay: 11 tháng; thời hạn rút vốn: 01 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,6%/năm và được cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông N, bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 457491, sổ vào sổ CH02134 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20-12-2011) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 089/15/HDBD-ST ngày 21-5-2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 089-01/15/HĐSD ngày 28-02-2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 08-12-2021, ông N, bà H còn nợ V số tiền là 806.005.288 đồng, trong đó nợ gốc là 549.543.805 đồng, lãi trong hạn là 184.486.260 đồng, lãi quá hạn là 71.975.222 đồng.

Nay V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà H trả cho V số tiền nợ trên và tiền lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay từ ngày 09-12-2021 cho đến khi trả hết nợ; trong trường hợp ông N, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi nợ cho V. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông N, bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H trình bày:

Ông N, bà H có vay tiền của V với số tiền là 780.000.000 đồng; có thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất

số 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để bảo đảm cho khoản vay. Sau khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ, dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Tài sản thế chấp là tài sản của ông, bà, các con không có đóng góp gì vào việc tạo lập nên tài sản. Ông N, bà H đồng ý với tiền gốc, tiền lãi còn nợ và yêu cầu khởi kiện của V nhưng mong muốn V tạo điều kiện để ông, bà trả nợ dần, giữ lại nhà, đất tại thửa 288 để ở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V. Buộc vợ chồng ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H phải trả nợ cho V số tiền tạm tính đến ngày 08-12-2021 là 806.005.288 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 549.543.805 đồng, nợ lãi trong hạn 184.486.260 đồng, nợ lãi quá hạn 71.975.222 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 09-12-2021 cho đến khi trả hết nợ cho V. Trường hợp ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 2, diện tích 100m², tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V đến khi tất toán toàn bộ khoản tiền vay. Về án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn N và Đỗ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Hoàn trả số tiền 16.913.579 đồng cho V theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0007011 ngày 20-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xong. Do vậy, phía bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc C vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Ngày 30-7-2021, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Lê Quốc C vắng mặt và việc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của anh C nhưng không có ý kiến đồng ý bằng văn bản của anh C gửi đến Tòa án. Căn cứ Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng cho vay:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông N, bà H thừa nhận ông, bà có vay tiền của V theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 843/18/HDTD-ST ngày 26-11-2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-01/2020/HĐSD ngày 28-02-2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-02/2020/HĐSD ngày 06-8-2020 với số tiền vay, số tiền đã trả nợ gốc và lãi như V trình bày là đúng. Trình bày của ông N, bà H phù hợp với trình bày và tài liệu, chứng cứ do V cung cấp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của V về việc buộc ông N, bà H trả nợ có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông N, bà H có nghĩa vụ trả cho V số tiền tính đến ngày 08-12-2021 là 806.005.288 đồng, trong đó nợ gốc là 549.543.805 đồng, lãi trong hạn là 184.486.260 đồng, lãi quá hạn là 71.975.222 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 09-12-2021 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

[2.2] Để bảo đảm cho các khoản vay, ông N, bà H thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 089/15/HDBD-ST ngày 21-5-2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 089-01/15/HĐSD ngày 28-02-2020. Hợp đồng thế chấp giữa V và ông N, bà H được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V, trong trường hợp ông N, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử

lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu nợ cho V; sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông N, bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V đến khi trả nợ xong.

[2.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông N, bà H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên ông N, bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho V.

[2.4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V nên ông N, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông N, bà H có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn do dịch bệnh Covid-19, được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận, có đơn đề nghị giảm án phí nên Hội đồng xét xử quyết định giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho ông N, bà H. Ông N, bà H phải chịu 18.090.079 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính như sau: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng : 2) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 13, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho V.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 13, 14, 15, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 08-12-2021 là 806.005.288 đồng (tám trăm lẻ sáu triệu, không trăm lẻ năm nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 549.543.805 đồng (năm trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm lẻ năm đồng), lãi trong hạn là 184.486.260 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), lãi quá hạn là 71.975.222 đồng (bảy mươi một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn trên dư

nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã ký kết (Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 843/18/HDTD-ST ngày 26-11-2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-01/2020/HĐSD ngày 28-02-2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 843-02/2020/HĐSD ngày 06-8-2020) kể từ ngày 09-12-2021 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

2. Trong trường hợp ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 089/15/HDBD-ST ngày 21-5-2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 089-01/15/HĐSD ngày 28-02-2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng V.

3. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Ngân hàng V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

5. Ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị H phải chịu 18.090.079 đồng (mười tám triệu, không trăm chín mươi nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 16.913.579 đồng (mười sáu triệu, chín trăm mười ba nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0007011 ngày 20-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. .

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh